TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 09/7/2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Nhâm và bà Nguyễn Thị Thuê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hồng Liên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Vũ Bá Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 43/2026/TLST-HNGĐ ngày 23/02/2026 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/6/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2026/QĐST-HNGĐ ngày 23/6/2026, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị P, sinh ngày 22/01/1989; CCCD số: 035189002727; địa chỉ: Tổ A (cũ), phường C, tỉnh Ninh Bình; Địa chỉ giao nhận tài liệu, giấy tờ: 32 T, phường T, thành phố Hải Phòng. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Bùi Thị P: Ông Nguyễn Ngọc T và ông Đoàn K - Đều là Luật sư Công ty L Chi nhánh H. Người đại diện theo ủy quyền của chị Bùi Thị P: Ông Nguyễn Ngọc T - Phó trưởng Chi nhánh Công ty L Chi nhánh H; đều vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tất T1, sinh ngày 10/4/1980; CCCD số: 035080000482; địa chỉ: Tổ A (cũ), phường C, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị Phương trình B:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị P và anh Nguyễn Tất T1 đăng ký kết hôn ngày 08/02/2011, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam (nay là phường C, tỉnh Ninh Bình) cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại tổ A, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam (nay là phường C, tỉnh

Ninh Bình) và sống hạnh phúc khoảng 4 năm đầu sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do đôi bên bất đồng ý kiến trong việc chăm sóc con cái, chi tiêu trong gia đình, bất đồng về quan điểm sống và cách nhìn nhận cuộc sống của hai bên không phù hợp với nhau nên dẫn đến gây gổ, cãi vã. Bên cạnh đó, anh T1 còn rượu chè, lười nhác không chịu làm kinh tế, thường xuyên có hành vi đánh đập, mắng chửi, xúc phạm và đe dọa chị bằng cả lời nói và tin nhắn. Mặc dù chị đã rất cố gắng để hòa giải và hàn gắn tình cảm vợ chồng, hai gia đình cũng nhiều lần can thiệp nhưng mục đích hôn nhân không thể cứu vãn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tất T1.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là các cháu Nguyễn Bùi Thảo M, sinh ngày 12/12/2011 và cháu Nguyễn Bùi Thảo N, sinh ngày 12/10/2018. Ly hôn chị P đề nghị giao cháu Thảo M cho chị nuôi dưỡng và giao anh T1 nuôi cháu Thảo N. Chị không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

***** Tại bản tự khai đề ngày 02/6/2026, bị đơn anh Nguyễn Tất T1 có quan điểm như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị P đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 02 năm 2011 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam (tại Ủy ban nhân dân phường C, tỉnh Ninh Bình. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên sau khi chị P đi học liên thông lên đại học từ năm 2024 đến năm 2025 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, chị P không còn quan tâm đến chồng con và đến ngày 08/10/2025 chị P tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Mặc dù anh không đuổi đi và rất nhiều lần tìm về để gia đình sống hoà thuận nhưng chị P không về. Vợ chồng ly thân từ tháng 10/2025 đến nay không ai còn quan tâm đến cuộc sống chung của nhau. Nay anh T1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị P.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là các cháu Nguyễn Bùi Thảo M, sinh ngày 12/12/2011 và cháu Nguyễn Bùi Thảo N, sinh ngày 12/10/2018. Ly hôn anh T1 đề nghị được nuôi cả hai cháu và không đề nghị chị P cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các Biên bản lấy lời khai của cháu Nguyễn Bùi Thảo M và Nguyễn Bùi Thảo N thì các cháu đều có nguyện vọng muốn được ở với mẹ.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Tất T1 có quan điểm: Anh nhất trí ly hôn với chị P. Về con chung, anh mong muốn xin được nuôi cả hai cháu nếu không thì anh xin được nuôi cháu Thảo N còn cháu Thảo M thì giao chị P nuôi dưỡng và anh chị không cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét

xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Không vi phạm; Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Bùi Thị P và bị đơn anh Nguyễn Tất T1 đã chấp hành và thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị P và anh Nguyễn Tất T1.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bùi Thảo M, sinh ngày 12/12/2011 cho chị Bùi Thị P nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Bùi Thảo N, sinh ngày 12/10/2018 cho anh Nguyễn Tất T1 nuôi dưỡng. Chị P, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

3. Về tài sản và công nợ: Chị Bùi Thị P và anh Nguyễn Tất T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị P xin ly hôn anh Nguyễn Tất T1, đây là quan hệ pháp luật về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh T1 có nơi thường trú và cư trú tại tổ A, phường C, tỉnh Ninh Bình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, chị Bùi Thị P và đại diện theo ủy quyền cùng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị P đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị P và anh Nguyễn Tất T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam (nay là phường C, tỉnh Ninh Bình) và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 08/02/2011, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ những bất đồng quan điểm sống, trong việc chăm sóc con cái, chi tiêu trong gia đình và không có sự quan tâm, tôn trọng nhau. Nay chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1. Anh Nguyễn Tất T1 xác định vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi

từ cuối năm 2025 đến nay không thể hàn gắn được nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị Bùi Thị P.

Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn của vợ chồng chị P, anh T1 xảy ra cũng đã lâu, đời sống chung của vợ chồng đã chấm dứt từ năm 2025 đến nay, vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Xét khả năng vợ chồng chị P, anh T1 đoàn tụ là không còn; chị P xin ly hôn với anh T1 và anh T1 đồng ý ly hôn. Do vậy chấp nhận đơn xin ly hôn của chị P xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị P và anh T1 là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Bùi Thị P và anh Nguyễn Tất T1 có 02 con chung là các cháu Nguyễn Bùi Thảo M, sinh ngày 12/12/2011 và cháu Nguyễn Bùi Thảo N, sinh ngày 12/10/2018. Hiện các cháu M và N đang ở với anh T1.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khi vợ chồng sống ly thân, các cháu M và N sống cùng anh T1. Tại biên bản lấy lời khai các cháu đều có nguyện vọng muốn ở với mẹ. Tuy nhiên xét khả năng chăm sóc con của chị P và anh T1 là ngang nhau và anh chị đều có nguyện vọng được nuôi con chung nên chấp nhận đề nghị của chị P, anh T1; giao cháu Nguyễn Bùi Thảo M, sinh ngày 12/12/2011 cho chị Bùi Thị P nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Bùi Thảo N, sinh ngày 12/10/2018 cho anh Nguyễn Tất T1 nuôi dưỡng; chị P, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị P và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị P và anh T1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị P và anh Nguyễn Tất T1.

2. Về con chung: Giao chị Bùi Thị P trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Bùi Thảo M, sinh ngày 12/12/2011 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao anh Nguyễn Tất T1 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Bùi Thảo N, sinh ngày 12/10/2018 cho đến khi

cháu N đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị P, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị P và anh Nguyễn Tất T1, mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng). Đối trừ số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị P đã nộp tạm ứng án phí tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình theo biên lai số 0000774 ngày 23/02/2026. Chị P được nhận lại 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Nguyễn Tất T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Bùi Thị P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Châu Sơn, tỉnh Ninh Bình;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hằng